

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2022/HC-ST

Ngày: 18-4-2022

*“V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :*
- + *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Cường
- + *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lộc, bà Nguyễn Thị Thu Thảo
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 126/2019/TLST-HC ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc: *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HC, ngày 05/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Lan A, sinh năm 1949

Địa chỉ: 50/26 V, phường 2, thành phố TA, tỉnh Long An

Địa chỉ liên lạc: 564 T, phường TA, thị xã LG, Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B

Địa chỉ: Khu dân cư B, phường XA, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thiện H – Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai LG
- + Ủy ban nhân dân phường T, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/12/2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 04/01/2002, UBND huyện Hàm Tân cấp giấy CNQSDĐ số T795556 cho bà Phạm Thị Lan A đối với diện tích 2.170m² đất trồng lúa, thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 04 tại xã T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (nay là khu phố 1, phường T, thị xã La Gi), thời hạn sử dụng đất đến tháng 12/2016.

- Ngày 26/6/2017, bà Phạm Thị Lan A nộp hồ sơ đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất tại UBND phường T. Ngày 27/6/2017, UBND phường T ban hành văn bản số 53/UBND về việc trả hồ sơ cho bà Anh vì cho rằng diện tích đất bà Anh đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất nằm trong quỹ đất 5% của UBND phường T quản lý. Ngày 06/11/2018, bà Anh nộp đơn kiến nghị đến UBND thị xã La Gi về việc trả lại đơn của UBND phường T.

Ngày 29/01/2019, UBND thị xã La Gi có văn bản số 232/UBND-Ttra về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Anh trong đó có nội dung:

"Việc UBND phường T ban hành công văn số 53/UBND ngày 27/6/2017 về việc trả hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và không thực hiện việc xác nhận, chuyển hồ sơ lên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG (cơ quan có thẩm quyền xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp) là không đúng trình tự, thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Do đó, yêu cầu UBND phường T lập thủ tục, thu hồi, hủy bỏ Công văn số 53/UBND ngày 27/6/2017 về việc trả đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của bà Phạm Thị Lan A".

- Ngày 01/5/2019, bà Anh cho ông Bùi Văn Ý thuê toàn bộ thửa đất trên để sử dụng trong thời hạn 02 năm (từ ngày 01/5/2019 đến 30/4/2021); có hợp đồng thuê đất nhưng không công chứng, chứng thực.

- Ngày 26/9/2019, bà Lan A nộp hồ sơ đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất tại UBND phường T. Cùng ngày, UBND phường T đã xác nhận vào đơn đăng ký biến động của bà Anh với nội dung *"bà Phạm Thị Lan A hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền"*;

- Ngày 30/9/2019, Chi nhánh VPĐKĐĐ La Gi xác nhận *"đủ điều kiện xác nhận lại thời hạn sử dụng đất"*; cùng ngày Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất trên giấy CNQSDĐ số T 795556 ngày 04/01/2002 cho bà Phạm Thị Lan A với nội dung *"Tiếp tục sử dụng đất đến tháng 12/2066"*.

- Ngày 16/10/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG đăng ký biến động trên giấy CNQSDĐ số T 795556 ngày 04/01/2002 của bà Phạm Thị Lan A với nội dung "*Hủy nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót*".

Không đồng ý với việc chỉnh lý biến động ngày 16/10/2019 ông Phan Thanh H được bà Phạm Thị Lan A ủy quyền nộp đơn khiếu nại đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG.

- Ngày 18/10/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG có văn bản số 5020 trả lời theo đề nghị của ông Phan Thanh H, trong đó xác định lý do hủy nội dung xác nhận tiếp tục sử dụng đất cho bà Anh là vì:

+ UBND phường T đã xác nhận: bà Anh hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, trong đơn đăng ký biến động ngày 26/9/2019.

+ Bà Anh có hộ khẩu thường trú tại 50/26 Võ Văn Tần, phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 thì phải có xác nhận của UBND phường II, thành phố Tân An là nơi bà anh Anh đăng ký thường trú về việc bà Anh là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp nhưng hồ sơ của bà Anh chưa có.

Bà Phạm Thị Lan A yêu cầu:

- *Hủy văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H;*

- *Hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót trên giấy CNQSDĐ số T 795556 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cũ cấp ngày 04/01/2002.*

- *Kiến nghị UBND tỉnh Bình Thuận hủy bỏ khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận.*

- *Hủy nội dung xác nhận của UBND xã T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019.*

Ngày 01/4/2022, ông Phan Thanh H được bà Phạm Thị Lan A ủy quyền rút yêu cầu khởi kiện đối với *Kiến nghị UBND tỉnh Bình Thuận hủy bỏ khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận*

Ngày 05/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã ra Thông báo về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và chấm dứt tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối với Ủy ban dân nhân tỉnh Bình Thuận cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận và tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Người bị kiện Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B: Tại văn bản 1303/VPĐKĐĐ-ĐKCG, ngày 09/6/2020 và các lời khai tiếp theo trình bày như

sau:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện: *Hủy bỏ Văn bản số 5020/CNVPĐKĐĐLG ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai LG về việc trả lời theo đề nghị của ông Phan Thanh H:*

Ngày 27/9/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG có tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của bà Phạm Thị Lan A, đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T795556 do UBND huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 04/01/2002 (*ông Phan Thanh H là người được bà Phạm Thị Lan A ủy quyền ký hồ sơ đăng ký biến động*). Qua thẩm tra hồ sơ; ngày 30/9/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG đã ký điều chỉnh biến động trên trang 4 của giấy chứng nhận với nội dung: ‘Tiếp tục sử dụng đất đến tháng 12/2066’, ông Phan Thanh H đã nhận kết quả giải quyết từ UBND phường T.

Quá trình thực hiện lưu trữ hồ sơ thì Chi nhánh phát hiện nội dung ký chỉnh lý biến động vào ngày 30/9/2019 có sửa chữa nên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG đã liên hệ với ông Phan Thanh H nộp lại giấy chứng nhận để đính chính lại nội dung chỉnh lý biến động. Trong quá trình kiểm tra lại thì tiếp tục phát hiện việc tham mưu giải quyết hồ sơ đủ điều kiện để xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp cho bà Phạm Thị Lan A vào ngày 30/9/2019 là không đúng quy định pháp luật. *Cụ thể: quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ : “b) Ủy ban nhân dân xã nơi có đất kiểm tra hồ sơ xác nhận, hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai”.* Tuy nhiên, trong đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của bà Phạm Thị Lan A thì UBND phường T xác nhận: *“Bà Phạm Thị Lan A hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.*

Như vậy, đối chiếu với quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 74 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận thì bà Phạm Thị Lan A chưa đủ điều kiện xác nhận lại thời hạn sử dụng đất nông nghiệp; lý do: Bà Phạm Thị Lan A đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp và chưa được UBND phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An (*nơi bà Anh đăng ký hộ khẩu thường trú*) xác nhận là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, ngày 16/10/2019 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai LG đã ký chỉnh lý biến động trên trang 4 của giấy chứng nhận số T 795556 với nội dung: *‘Hủy nội dung xác nhận ngày*

30/9/2019 do có sai sót'. Như vậy Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG ban hành Văn bản số 5020/CNVPĐKĐĐLG ngày 18/10/2019 về việc trả lời theo đề nghị của ông Phan Thanh H là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện - *Hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 16/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai LG về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T795556 do UBND huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 04/01/2002.*

Theo hồ sơ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai LG cung cấp và đối chiếu với quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 74 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận thì bà Phạm Thị Lan A chưa đủ điều kiện xác nhận lại thời hạn sử dụng đất nông nghiệp; lý do: UBND phường T xác nhận bà Phạm Thị Lan A hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp và bà Phạm Thị Lan A cũng chưa được UBND phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An (nơi bà Anh đăng ký hộ khẩu thường trú) xác nhận là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, ngày 16/10/2019 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai LG đã ký chỉnh lý biến động trên trang 4 của giấy chứng nhận số T 795556 với nội dung: '*Hủy nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót*'.

Từ diễn biến sự việc nêu trên, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xét thấy việc giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai LG là đúng theo quy định pháp luật.

3. Còn đối với yêu cầu khởi kiện: *Hủy nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 27/9/2019.* Vấn đề này thuộc trách nhiệm của UBND phường T, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai LG tại Văn bản số 753/CN-VPĐKĐĐLG, ngày 15 tháng 4 năm 2020 và các lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa trình bày như sau:

1. Đối với 02 nội dung mà người khởi kiện yêu cầu:

- *Hủy bỏ văn bản số 5020/CN.VPĐKĐĐLG ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H.*

- *Hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 795556 do UBND huyện Hàm Tân*

cũ cấp ngày 04/01/2002.

Hai nội dung này, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG có ý kiến như sau:

Ngày 27/9/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG có tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của bà Phạm Thị Lan A đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 795556 do UBND huyện Hàm Tân (cũ) cấp ngày 04/01/2002 (*ông Phan Thanh H là người được bà Phạm Thị Lan A ủy quyền ký hồ sơ đăng ký biến động*); thời gian hẹn trả kết quả là ngày 02/10/2019. Qua thẩm tra hồ sơ, ngày 30/9/2019 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG đã ký điều chỉnh biến động trên trang 4 của giấy chứng nhận với nội dung: “Tiếp tục sử dụng đất đến tháng 12/2066”. Sau đó, hồ sơ được giao trả cho UBND phường T theo cơ chế một cửa liên thông và ông Phan Thanh H đã nhận lại hồ sơ từ UBND phường T.

Tuy nhiên, qua kiểm tra lại hồ sơ để đưa vào lưu trữ thì thấy nội dung ký chỉnh lý biến động vào ngày 30/9/2019 có sửa chữa nên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG đã liên hệ ông Phan Thanh H nộp lại Giấy chứng nhận để đính chính lại nội dung chỉnh lý biến động. Trong quá trình thực hiện chỉnh lý lại nội dung biến động thì tiếp tục phát hiện việc tham mưu giải quyết hồ sơ đủ điều kiện để xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp cho bà Phạm Thị Lan A vào ngày 30/9/2019 là không đúng quy định pháp luật. Cụ thể: theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ có quy định:

“ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều này có nhu cầu xác nhận lại thời hạn sử dụng đất trên Giấy chứng nhận thì thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Người sử dụng đất nộp hồ sơ đề nghị xác nhận lại thời hạn sử dụng đất;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất kiểm tra hồ sơ, xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai;

c) Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ; xác nhận thời hạn được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 126 và Khoản 3 Điều 210 của Luật Đất đai vào Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đổi với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã.”

Tuy nhiên, trong Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của bà Phạm Thị Lan A thì UBND phường T xác nhận: *“Bà Phạm Thị Lan A hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định*

thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 73/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 có quy định: “Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất kiểm tra hồ sơ, thực hiện các công việc theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai”. Xét thấy, bà Phạm Thị Lan A là người ngoài địa phương (thường trú tại 50/26 Võ văn Tần, phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An), vì vậy, UBND phường T là nơi có đất phải thực hiện công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (trích khoản 2 Điều 2: ...Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp sau khi có văn bản xác nhận về việc sử dụng đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất). Tuy nhiên, trong hồ sơ lại không thể hiện việc UBND phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An là nơi bà Lan A thường trú xác nhận bà Lan A là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận thì bà Phạm Thị Lan A chưa đủ điều xác nhận thời hạn tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp; lý do: bà Phạm Thị Lan A đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp và chưa được UBND phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An (nơi bà Anh đăng ký hộ khẩu thường trú) xác nhận là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, ngày 16/10/2019 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG đã ký chỉnh lý biến động trên trang 4 của Giấy chứng nhận số T 795556 với nội dung: “Hủy nội dung xác nhận ngày 30/09/2019 do có sai sót”.

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG nhận thấy 02 nội dung mà người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tuyên hủy là không có căn cứ.

2. Còn đối với yêu cầu khởi kiện: *Hủy nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 27/9/2019.* Vấn đề này thuộc trách nhiệm của UBND phường T, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T, thị

xã LG, tỉnh Bình Thuận: Không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện cho Tòa án. Không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai giao nộp chứng cứ và đối thoại, không cung cấp hồ sơ cho Tòa án

Do Ủy ban nhân dân phường T vắng mặt trong phiên tiếp cận, công khai giao nộp chứng cứ và đối thoại; nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành đối thoại được.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H;

2. Hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót trên giấy CNQSDĐ số T 795556 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cũ cấp ngày 04/01/2002.

3. Hủy nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019.

Căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lan A như sau:

1. Bà Phạm Thị Lan A là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

Căn cứ khoản 30 Điều 3 Luật đất đai 2013 quy định: *“Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó”*.

Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai quy định căn cứ để xác định hộ cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau:

“a) Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất; do nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đang sử dụng đất nông nghiệp mà chưa được Nhà nước công nhận;

b) Không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội;

c) Có nguồn thu nhập thường xuyên từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất đang sử dụng quy định tại Điểm a Khoản này, kể cả trường hợp không có thu nhập thường xuyên vì lý do thiên tai, thảm họa môi trường, hỏa hoạn, dịch bệnh;

d) Trường hợp giao đất nông nghiệp cho cá nhân theo quy định tại Điều 54 của Luật đất đai, đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của cá nhân thì chỉ căn cứ quy định tại Điểm b Khoản này”.

Bà Phạm Thị Lan A xác lập quyền sử dụng thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04, diện tích 2170m², mục đích sử dụng đất 2 lúa, tọa lạc tại khu phố 1, phường T, thị xã La Gi dựa trên cơ sở nhận chuyển quyền sử dụng của mẹ ruột Huỳnh Thị Xuân vào năm 2001. Bà Lan A đã được UBND huyện Hàm Tân cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 795556 ngày 04/01/2002.

Quá trình sử dụng, bà Phạm Thị Lan A trực tiếp canh tác trên thửa đất này theo đúng mục đích đã được xác định và có nguồn thu nhập từ việc sản xuất nông nghiệp trên thửa đất này. Khi tuổi cao không có khả năng trực tiếp cày cấy, bà Lan A đã cho ông Bùi Văn Ý thuê đất để canh tác và hàng năm vẫn có thu nhập từ tiền cho thuê đất. Việc bà Lan A cho thuê đất là thực hiện quyền của người sử dụng đất phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013.

Do đó, bà Lan A là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 30, Điều 3 Luật đất đai và khoản 2, Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 nói trên.

2. Bà Lan A đủ điều kiện được gia hạn sử dụng đất:

Như phân tích ở trên, bà Lan A là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên khi hết thời hạn sử dụng đất thì bà Lan A được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 126 và khoản 3 Điều 210 Luật đất đai.

Như vậy, khi hết thời hạn sử dụng đất thì bà Lan A đương nhiên được tiếp tục sử dụng đất. Chi nhánh VPĐKĐĐ La Gi không thể đặt ra bất kỳ điều kiện nào làm hạn chế quyền được gia hạn sử dụng đất của bà Lan A. Việc bà Lan A làm thủ tục gia hạn (xác nhận lại thời hạn sử dụng đất) chỉ là dựa vào nhu cầu của bà Lan A và được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 74 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất kiểm tra hồ sơ, xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chuyển hồ sơ đến văn phòng đăng ký đất đai;”.

Căn cứ quy định trên thì UBND phường T (Ủy ban nơi có đất) chỉ kiểm tra, xác nhận bà Lan A đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà Nhà nước chưa có quyết định thu hồi. Quy định trên cần phải được hiểu là người sử dụng đất có sử dụng đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, sử dụng

đất đúng mục đích đã được công nhận và không để đất hoang hóa, chứ không phải hiểu thiếu nghĩa, suy diễn việc trực tiếp sản xuất nông nghiệp là phải trực tiếp xuống ruộng để cày cấy, gieo trồng như ý kiến của UBND phường T.

Ngày 06/01/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2017/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung một số Nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai. Tại khoản 48 Điều 2 Nghị định này chỉ bổ sung thêm Điều 74a quy định về trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo. Riêng các quy định tại Điều 74 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP không được sửa đổi bất cứ khoản nào. Như vậy, trình tự thủ tục gia hạn đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân vẫn phải căn cứ theo Điều 74 Nghị định 43/2014/NĐ-CP để thực hiện.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã liệt kê các trường hợp phải xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp chỉ gồm 04 trường hợp:

“a) Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 54 Luật đất đai;

b) Đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân;

c) Công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân;

d) Thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân mà cần xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ.”

Như vậy, cả Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đều không có quy định nào quy định khi thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng đất thì người sử dụng đất phải làm thủ tục xin xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

Chi nhánh VPĐKKĐĐ La Gi – đơn vị trực thuộc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B viện dẫn khoản 13, Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận để xác định thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng đất phải có thủ tục xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp là áp dụng sai pháp luật. Việc viện dẫn văn bản trái pháp luật để không thực hiện gia hạn sử dụng đất cho bà Lan A đã gián tiếp “quốc hữu hóa” tài sản của bà Phạm Thị Lan A nếu bà Phạm Thị Lan A không phải là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

- **Đại diện Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B** đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

- **Đại diện Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG** thống nhất như ý kiến của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận** phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng quy định của Luật tố tụng hành chính

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

Tuy nhiên, UBND phường T, thị xã La Gi là người liên quan trong vụ án nhưng không tham gia các phiên công khai giao nộp chứng cứ và hòa giải, không cung cấp hồ sơ cho Tòa án là vi phạm Điều 55, Điều 58 Luật tố tụng hành chính

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

2.1. Về xác định đối tượng bị kiện, người bị kiện:

Đối tượng bị kiện là văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án “**Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực quản lý đất đai**” và người bị kiện là Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B; đúng quy định tại các khoản 1, 2 và 9 Điều 3 Luật TTHC.

Liên quan đến văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 còn có nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019 cần phải được xem xét trong vụ án để đảm bảo việc giải quyết vụ án có căn cứ và triệt để nên căn cứ vào yêu cầu giải quyết của đương sự, TAND tỉnh Bình Thuận xác định đây là QĐHC liên quan trong vụ án và UBND phường T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đúng quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật TTHC.

Đối với yêu cầu hủy nội dung xác nhận ngày 16/10/2019 “hủy nội dung xác nhận ngày 30/9/2019” của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG trên giấy CNQSDĐ số T 795556 ngày 04/01/2002; theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật TTHC thì đây chỉ là thủ tục trong quá trình quản lý đất đai, không phải QĐHC. Vì vậy, không được hủy nhưng được xem xét qua việc giải quyết QĐHC bị kiện.

Đối với kiến nghị UBND tỉnh Bình Thuận hủy bỏ khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận; đây không phải là QĐHC nên đương sự không có quyền khởi kiện, kiến nghị sửa đổi theo quy định tại Điều 30 Luật TTHC.

Ngày 04/4/2022, TAND tỉnh Bình Thuận nhận đơn của bà Lan A, rút yêu cầu khởi kiện này.

2.2. Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

QĐHC bị kiện được ban hành ngày 18/10/2019, đến ngày 08/11/2019 bà Phạm Thị Lan A nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Bình Thuận. Do vậy, vụ án còn thời hiệu khởi kiện (trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành QĐ) và thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của TAND tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 3 Điều 32 Luật TTHC.

2.3. Về tính hợp pháp của QĐHC bị khởi kiện

Để xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện thì trước hết phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính liên quan là nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019

Thứ nhất, đối với nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019 “bà Phạm Thị Lan A hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”

- Về thẩm quyền:

UBND phường T xác nhận về việc cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp tại hồ sơ đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

- Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ thể hiện lý do UBND phường T xác nhận bà Phạm Thị Lan A không trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp là vì: vào thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp tại UBND phường T ngày 26/9/2009 thì bà Lan A không canh tác trên đất mà đang cho ông Bùi Văn Ý thuê quyền sử dụng đất để trồng lúa.

Tuy nhiên, bà Lan A được công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSDĐ số T 795556 ngày 04/01/2002, có thời hạn sử dụng đến năm 2016; khi hết thời hạn mà bà vẫn có nhu cầu sử dụng thì đương nhiên được tiếp tục sử dụng đất sử dụng đất với thời hạn là 50 năm kể từ ngày hết hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 126, khoản 3 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Theo đó, khi nhận đơn đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất, UBND phường T kiểm tra hồ sơ, nếu đất đang sử dụng đúng mục đích và chưa có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì buộc phải xác nhận bà Lan A đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp và chuyển hồ sơ đến Văn

phòng đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để xác nhận lại thời hạn sử dụng đất.

Việc UBND phường T xác nhận bà Lan A không đang trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp là thực hiện chưa đúng quy định trên.

Ngoài ra, quy định về xác nhận cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và trình tự, thủ tục thực hiện việc xác nhận theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017 thì chỉ được áp dụng trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017 (không có trường hợp xác nhận lại thời hạn sử dụng đất trên Giấy CNQSDĐ).

Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017: Việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 54 của Luật đất đai;

b) Đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân;

c) Công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân;

d) Thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân mà cần xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ.

Mặt khác, khi nhận đơn đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất, UBND phường T xác nhận bà Lan A đang không trực tiếp sản xuất nông nghiệp là không thực hiện đúng quy định tại khoản 13 Điều 3 Quyết định 14/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận hướng dẫn về xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại khoản 3 Điều 74 Nghị định 43/2014.

Vì vậy, nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019 của bà Lan A là chưa đúng các quy định của pháp luật như đã nêu trên nên bà Lan A yêu cầu hủy nội dung xác nhận của UBND phường T là có cơ sở chấp nhận.

Thứ hai, đối với Quyết định hành chính bị kiện là văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H (đại diện theo ủy quyền của bà Lan A)

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B có nhiệm vụ thực hiện xác nhận thời hạn được tiếp tục sử dụng đất quy định tại Khoản 1 Điều 126 và Khoản 3 Điều 210 của Luật Đất đai năm 2013.

Do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B có Chi nhánh tại La Gi nên Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG thực hiện xác nhận và trả lời đơn của bà Lan

A là đúng quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020.

- Về nội dung:

Một là, UBND phường T xác nhận bà Lan A không đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, căn cứ vào những quy định pháp luật đã phân tích ở trên thì nội dung xác nhận của UBND phường T là không đúng quy định.

Thứ hai, UBND phường T chưa thực hiện thủ tục xác nhận cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại nơi bà Lan A đăng ký hộ khẩu thường trú (phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An) theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.

Ngoài ra, theo Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B thì việc chưa xác nhận cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại nơi bà Lan A đăng ký hộ khẩu thường trú nên chưa đầy đủ thủ tục theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận.

Tuy nhiên, các đương sự tại phiên tòa đều không viện dẫn được căn cứ pháp luật về việc bà Lan A không trực tiếp trồng lúa nhưng cho người khác thuê đất để sản xuất nông nghiệp thì có được tiếp tục đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất không.

Mặt khác, tất cả các quy định liên quan đến việc xác nhận cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017; khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận thì đều quy định chỉ thực hiện trong các trường hợp: *Khi thực hiện thủ tục giao đất, đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*. Bà Lan A không rơi vào các trường hợp của quy định này.

Vì vậy, bà Lan A thuộc trường hợp đã được công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp và đương nhiên được tiếp tục sử dụng khi hết thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 126, khoản 3 Điều 210 Luật đất đai năm 2013.

Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Bình Thuận đã áp dụng pháp luật chưa đúng khi giải quyết yêu cầu xác nhận thời hạn sử dụng đất của bà Lan A. Do đó văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 có nội dung không đúng với quy định của pháp luật như đã nêu trên nên bà Lan A khởi kiện yêu cầu hủy văn bản này là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích như trên, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 32; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lan A, tuyên:

+ Hủy QĐHC bị kiện là văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H

+ Hủy nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019 “*Bà Phạm Thị Lan A hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*”.

+ Đình chỉ yêu cầu kiến nghị UBND tỉnh hủy bỏ khoản 13 Điều 3 Quyết định 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận.

Buộc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B, UBND phường T thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách đương sự:

- Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ V/v sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai quy định:

“a) Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập... có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu riêng và được mở tài khoản để hoạt động theo quy định của pháp luật. Văn phòng đăng ký đất đai có chức năng thực hiện đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ...”

- Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật Đất đai có nêu:

“b) Văn phòng đăng ký đất đai có chi nhánh tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai được thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng đăng ký đất đai theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”

- Điều 3 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Văn

phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quy định: “*Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là đơn vị hạch toán phụ thuộc...*”

Như vậy, việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG thực hiện việc giải quyết hồ sơ đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất (xác nhận lại thời hạn sử dụng đất) của bà Phạm Thị Lan A là thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B.

Nên, việc bà Phạm Thị Lan A (**sau đây gọi tắt là người khởi kiện**) khởi kiện và xác định người bị kiện Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B (**sau đây gọi tắt là người bị kiện**) là đúng quy định tại các khoản 1, 2 và 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Đối tượng bị kiện trong vụ án này: Là Văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 (**sau đây gọi tắt là Quyết định hành chính bị kiện**) của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG (**sau đây gọi tắt là Chi nhánh đất đai La Gi**)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, thì khi xem xét Văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 của Chi nhánh đất đai La Gi thì Hội đồng xét xử phải xem xét, giải quyết luôn các quyết định hành chính có liên quan là xác nhận ngày 26/9/2019 của UBND phường T và xác nhận ngày 16/10/2019 “hủy nội dung xác nhận ngày 30/9/2019” của Chi nhánh đất đai La Gi trên Giấy CNQSDĐ số T 795556 ngày 04/01/2002 (**sau đây gọi tắt là Quyết định hành chính có liên quan**);

[1.3] Thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[1.4] Quyết định hành chính bị kiện được ban hành ngày 18/10/2019, đến ngày 08/11/2019 người khởi kiện nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính thì quan hệ pháp luật bị tranh chấp trong vụ án này là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung người khởi kiện yêu cầu:

- *Hủy văn bản số 5020 ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H;*

- Hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót trên giấy CNQSDĐ số T 795556 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cũ cấp ngày 04/01/2002.

- Kiến nghị UBND tỉnh Bình Thuận hủy bỏ khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận.

- Hủy nội dung xác nhận của UBND xã T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019.

Ngày 01/4/2022, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với Kiến nghị UBND tỉnh Bình Thuận hủy bỏ khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận;

Ngày 05/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã có Thông báo về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và chấm dứt tư cách tham gia tố tụng – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 2 Điều 173 luật Tổ tụng hành chính, hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà người khởi kiện đã rút, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa.

[2.2] Để xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện thì trước hết phải xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính liên quan:

[2.2.1] Đối với nội dung xác nhận của UBND phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019 của người khởi kiện với nội dung “*bà Phạm Thị Lan A hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*”

a/ Về thẩm quyền: UBND phường T xác nhận về việc cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp tại hồ sơ đề nghị được tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp khi hết hạn sử dụng là đúng thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

b/Về nội dung:

- Người khởi kiện được công nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 795556 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cũ cấp ngày 04/01/2002, có thời hạn sử dụng đến năm 2016. Khi hết thời hạn thì đương nhiên được tiếp tục sử dụng đất với thời hạn là 50 năm kể từ ngày hết hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 126, khoản 3 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, người khởi kiện không thực hiện quyền sử dụng theo quy định này.

- Ngày 26/9/2019 người khởi kiện nộp hồ sơ đăng ký biến động thời hạn sử dụng đất tại UBND phường T, TX. Lagi, tỉnh Bình Thuận

Tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất; xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất như sau:

“ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này có nhu cầu xác nhận lại thời hạn sử dụng đất trên Giấy chứng nhận thì thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Người sử dụng đất nộp hồ sơ đề nghị xác nhận lại thời hạn sử dụng đất;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất kiểm tra hồ sơ, xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai;

c) Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ; xác nhận thời hạn được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 126 và khoản 3 Điều 210 Luật đất đai vào Giấy chứng nhận đã cấp; chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đối với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã”

Theo quy định nêu trên, thì sau khi nhận hồ sơ đề nghị xác nhận lại thời hạn sử dụng đất của người khởi, UBND phường T phải xác nhận đúng như hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ như đã viện dẫn ở trên.

Nhưng UBND phường T lại xác nhận vào Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn với đất của người khởi kiện với nội dung ***"Bà Phạm Thị Lan A hiện đang không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền"***, là việc xác nhận không đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, vì nếu người sử dụng đất đang sử dụng đất đúng mục đích thì phải xác nhận **đang** trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp; còn nếu không sử dụng thì phải xác nhận **không** trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, chứ không được xác nhận **đang không**.

- Căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thể hiện trên diện tích đất mà người khởi kiện xin gia hạn có còn gốc rạ mới gặt lúa khoảng 01 tháng, theo người khởi kiện xác định do gia đình người khởi kiện làm.

- Nên, nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019 của người khởi kiện là không đúng

thực tế và không đúng các quy định của pháp luật như đã viện dẫn ở trên. Nên người khởi kiện yêu cầu hủy nội dung xác nhận này của UBND phường T là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2.2] Tại phiên tòa đại diện người bị kiện và Chi nhánh Đất đai Lagi cho rằng: Do UBND phường T xác nhận vào đơn đăng ký biến động của người khởi kiện với nội dung "*Bà Phạm Thị Lan A hiện **đang không** trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp*" và do UBND phường T chưa yêu cầu

UBND phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An là nơi người khởi kiện thường trú xác nhận bà Lan A là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp; nên hồ sơ chưa đúng và đủ theo quy định.

Như vậy, trong trường hợp này khi nhận được hồ sơ do UBND phường T chuyển đến, nếu thấy việc UBND phường T xác nhận không đúng thì khi Chi nhánh Đất đai Lagi trả hồ sơ cho UBND phường T phải yêu cầu UBND phường T thực hiện việc xác nhận theo đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2.3] Xét, việc phía người bị kiện cho rằng căn cứ vào khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận thì UBND phường T chưa yêu cầu UBND phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An là nơi bà Lan A thường trú xác nhận bà Lan A là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp; đây cũng là một lý do để Chi nhánh Đất đai Lagi trả hồ sơ cho UBND phường T;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: *Việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp*

1. Việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 54 của Luật đất đai;

b) Đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân;

c) Công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân;

d) Thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân mà cần xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ.

Theo quy định nêu trên thì không quy định khi thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn sử dụng đất thì phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi người khởi kiện cư trú về cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, như ý kiến của phía người bị kiện trình bày.

Nhưng người bị kiện căn cứ vào khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận, để cho rằng hồ sơ đề nghị xác nhận lại thời hạn sử dụng đất của người khởi kiện còn thiếu thủ tục xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của UBND phường II, thành phố Tân An, tỉnh Long An, là không đúng và mâu thuẫn với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP như đã viện dẫn ở trên;

Theo khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.*

Như vậy, trong trường hợp này khi có sự quy định khác nhau về cùng một vấn đề về *xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp* giữa Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017 của Bộ Tài nguyên & Môi trường với khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận, thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG phải áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn là Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, chứ không thể áp dụng khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận để cho rằng hồ sơ đề nghị xác nhận lại thời hạn sử dụng đất của người khởi kiện còn thiếu, là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật như đã viện dẫn ở trên.

Điều đó cũng đồng nghĩa với việc xác nhận ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc *hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót trên giấy CNQSDĐ số T 795556 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cũ cấp ngày 04/01/2002*, là không đúng.

[2.3]Do Quyết định hành chính bị kiện căn cứ vào các Quyết định hành chính liên quan để trả lời cho phía người khởi kiện và do các Quyết định hành chính liên quan không đúng, nên Quyết định hành chính bị kiện cũng không đúng và phải hủy bỏ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Người khởi kiện là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì người khởi kiện được miễn án phí Hành chính sơ thẩm.

+ Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận, nên Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều

32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

- Về chi phí tố tụng:

+ Người khởi kiện không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

+ Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1,2,9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 126, khoản 3 Điều 210 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật; khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện “*Kiến nghị UBND tỉnh Bình Thuận hủy bỏ khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận*”

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lan A:

- Hủy Văn bản số 5020/CN.VPĐKĐĐLG, ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H;

- Hủy nội dung xác nhận ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 795556, vào sổ số 1663/QSDD, do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cũ cấp ngày 04/01/2002.

- Hủy nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019 của bà Phạm Thị Lan A

- Buộc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG và Ủy ban nhân dân phường T, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận phải thực hiện công vụ theo đúng quy định của pháp luật Đất đai.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Bà Phạm Thị Lan A được miễn án phí Hành chính sơ thẩm; hoàn trả cho bà Phạm Thị Lan A 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003580, ngày 09/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

+ Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B phải nộp 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm

- Về chi phí tố tụng:

+ Bà Phạm Thị Lan A không phải chịu chi phí tố tụng. Hoàn trả cho Bà Phạm Thị Lan A 2.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

+ Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B phải chịu 2.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc để hoàn trả cho bà Phạm Thị Lan A

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Bình Thuận;
- Cục THADS Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Cổng thông tin điện tử TABT;
- Tổ HCTP –TABT;
- Lưu hồ sơ, Tòa HC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Cường

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 45 ngày 18 tháng 4 năm 2022;

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Cường

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lộc, bà Nguyễn Thị Thu Thảo

Tiến hành nghị án vụ án Hành chính sơ thẩm thụ lý số 126/2019/TLST-HC ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Căn cứ vào các Điều 164, 191 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử thảo luận về những nội dung phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết 3/3 nhất trí quyết định:

Căn cứ vào khoản 1,2,9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 126, khoản 3 Điều 210 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật; khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06/01/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối yêu cầu khởi kiện “*Kiến nghị UBND tỉnh Bình Thuận hủy bỏ khoản 13 Điều 3 Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Bình Thuận*”

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lan A:

- Hủy Văn bản số 5020/CN.VPĐKĐĐLG, ngày 18/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Phan Thanh H;

- Hủy nội dung xác nhận ngày 16/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG về việc hủy bỏ nội dung xác nhận ngày 30/9/2019 do có sai sót trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 795556, vào sổ số 1663/QSDD, do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 04/01/2002.

- Hủy nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận tại Mục II Đơn đăng ký biến động đất đai đề ngày 26/9/2019 của bà Phạm Thị Lan A

- Buộc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B , Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai LG và Ủy ban nhân dân phường T, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận phải thực hiện công vụ theo đúng quy định của pháp luật Đất đai.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Bà Phạm Thị Lan A được miễn án phí Hành chính sơ thẩm; hoàn trả cho bà Phạm Thị Lan A 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003580, ngày 09/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

+ Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B phải nộp 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm

- Về chi phí tố tụng:

+ Bà Phạm Thị Lan A không phải chịu chi phí tố tụng. Hoàn trả cho Bà Phạm Thị Lan A 2.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc.

+ Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B phải chịu 2.400.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc để hoàn trả cho bà Phạm Thị Lan A

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; báo cho các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nghị án kết thúc hồi 17 giờ 15 phút cùng ngày

Biên bản lập xong đã thông qua cho các thành viên trong hội đồng xét xử nghe, nhất trí và ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Thị Lộc Nguyễn Thị Thu Thảo

Đặng Văn Cường